

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: NATRI KIM LOẠI (SODIUM METAL)

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Natri (Sodium)
- Công thức hóa học:** Na
- CAS:** 7440-23-5
- Tên khác:** Kim loại natri, natri nguyên chất
- Sử dụng đã định:** Dùng trong phòng thí nghiệm, tổng hợp hóa học, pin, thuốc nổ
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**

Tên công ty: Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
Mã số thuế: 0314051291
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại khẩn cấp:** 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
 - GHS02: Dễ cháy
 - GHS05: Ăn mòn
 - GHS06: Độc cấp tính
 - GHS08: Nguy hại sức khỏe
- Từ cảnh báo:** NGUY HIỂM
- Câu cảnh báo nguy hiểm:**
 - H260: Phản ứng mạnh với nước, tạo khí dễ cháy
 - H314: Gây bỏng nặng da và tổn thương mắt
 - H302: Có hại nếu nuốt phải
 - H330: Độc nếu hít phải
- Câu phòng ngừa:**
 - P231+P232: Xử lý dưới môi trường trơ, không để tiếp xúc nước/không khí
 - P280: Đeo bảo hộ đầy đủ
 - P301+P330+P331: Nếu nuốt: súc miệng, không gây nôn
 - P303+P361+P353: Nếu dính da: Cởi quần áo và rửa kỹ
 - P310: Gọi ngay bác sĩ nếu có sự cố

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

- Tên thành phần:** Natri kim loại (Sodium)
- CAS:** 7440-23-5
- Tỷ lệ:** $\geq 96\%$
- Phân loại:** H260, H314, H302, H330

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Gây kích ứng mạnh; đưa đến nơi thoáng khí, thở oxy nếu cần
- Tiếp xúc da:** Gây bỏng nặng; rửa dưới vòi nước nhiều, liên hệ bác sĩ ngay
- Tiếp xúc mắt:** Gây tổn thương mắt nghiêm trọng; rửa với nước liên tục ít nhất 15 phút
- Nuốt phải:** Gọi trung tâm chống độc; KHÔNG gây nôn, không cho uống nước

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Cực kỳ dễ cháy và nổ khi tiếp xúc nước**
- Phương tiện chữa cháy:**
 - Dùng bột chữa cháy khô chuyên dụng (không dùng nước, CO₂)
- Khí độc phát sinh:** Natri oxit (Na₂O), khí hydro
- Trang bị bảo hộ:** Mặt nạ phòng độc, quần áo cách nhiệt

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Biện pháp cá nhân:** Mặc đồ bảo hộ kín, thiết bị thở độc lập

- **Biện pháp môi trường:** Không để dính nước hoặc rơi vào cống
- **Xử lý tràn đổ:** Phủ lên bằng dầu khoáng tro hoặc bột chữa cháy chuyên dụng, không được dùng nước

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Dưới môi trường trơ (argon hoặc dầu khoáng)
- **Bảo quản:** Trong dầu khoáng, bình kín, nơi mát, tránh ẩm, xa nước và không khí
- **Không tương thích:** Nước, axit, chất oxy hóa, không khí ẩm

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Gới hạn phơi nhiễm:** Không rõ ràng (vì natri không bay hơi trong điều kiện thường)
- **Thiết bị bảo hộ:**
 - Hô hấp: Mặt nạ chống khí độc
 - Tay: Găng tay cao su chịu kiềm
 - Mắt: Kính bảo hộ kín
 - Da: Quần áo chống hóa chất, ủng bảo hộ

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- **Trạng thái:** Rắn, mềm, cắt được bằng dao
- **Màu sắc:** Bạc ánh kim (bị xỉn nếu tiếp xúc không khí)
- **Mùi:** Không mùi
- **Nhiệt độ nóng chảy:** 97.8°C
- **Nhiệt độ sôi:** 882.9°C
- **Tính tan:** Phản ứng mãnh liệt với nước

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Rất dễ phản ứng**
- **Phản ứng nguy hiểm:**
 - Với nước: Tạo khí hydro (H₂) gây cháy nổ
 - Với không khí: Tạo lớp oxit và peroxit nguy hiểm
- **Sản phẩm phân hủy:** Na₂O, NaOH, H₂

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD50 (chuột, uống):** ~120 mg/kg
- **Ảnh hưởng:** Bông hóa học nặng, sốc, tổn thương hô hấp nếu hít hơi NaOH sinh ra

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Rất độc với sinh vật thủy sinh nếu tiếp xúc nước tạo kiềm cao (NaOH)**
- **Không phân hủy sinh học**
- **Ảnh hưởng môi trường:** Rất cao nếu rò rỉ vào nước

MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- **Không đổ vào cống hoặc môi trường**
- **Xử lý bằng cách trung hòa gián tiếp (trong dầu), sau đó trung hòa bằng axit yếu dưới kiểm soát**
- **Bao bì chứa phải được xử lý như chất thải nguy hại**

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** UN 1428
- **Tên vận chuyển:** SODIUM, METAL
- **Nhóm nguy hiểm:** 4.3 (Phản ứng với nước)
- **Nhóm đóng gói:** I (rất nguy hiểm)

MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

- **Pháp luật áp dụng:** Thông tư 04/2012/TT-BCT, GHS

- **Cần khai báo khi nhập khẩu, vận chuyển, sử dụng**
 - **Thuộc danh mục hóa chất nguy hiểm phải kiểm soát chặt**
-

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày biên soạn:** 04/07/2025
- **Nguồn:** REACH, PubChem, GHS, TCVN 8402:2010
- **Lưu ý:** Chỉ sử dụng bởi người có chuyên môn và thiết bị bảo hộ đúng chuẩn
- **Ghi chú:**
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế